

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ –
CÔNG TY CỔ PHẦN**

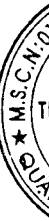
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 29



Số: 131 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") được lập ngày 27 tháng 8 năm 2013, từ trang 3 đến trang 29. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 27 tháng 8 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2013-001-1

14
C
T
U
V
P
H
1250
H N
ON
NHIE
ELC
ET
TP

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		535.769.494.590	493.607.341.683
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	35.494.766.712	62.578.002.649
1. Tiền	111		25.695.793.712	46.817.002.649
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.798.973.000	15.761.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		546.486.308	297.086.308
1. Đầu tư ngắn hạn	121		546.486.308	297.086.308
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		418.961.011.677	385.201.121.990
1. Phải thu khách hàng	131		67.613.832.542	40.946.048.876
2. Trả trước cho người bán	132		7.350.473.077	6.895.613.674
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	327.139.185.115	319.842.300.686
4. Các khoản phải thu khác	135	7	17.050.365.762	17.710.003.573
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192.844.819)	(192.844.819)
IV. Hàng tồn kho	140	8	27.973.372.338	12.592.548.224
1. Hàng tồn kho	141		27.973.372.338	12.592.548.224
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.793.857.555	32.938.582.512
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.302.857.461	525.555.610
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.502.140.632	8.869.167.659
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	17	3.115.298.468	4.095.216.373
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	25.873.560.994	19.448.642.870
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260+270)	200		189.357.784.837	193.358.993.545
I. Tài sản cố định	220		18.446.803.435	23.630.676.125
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.519.704.856	12.066.419.126
- Nguyên giá	222		35.679.677.178	41.474.214.160
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.159.972.322)	(29.407.795.034)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.927.098.579	11.042.048.291
- Nguyên giá	228		15.468.134.806	15.568.776.866
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.541.036.227)	(4.526.728.575)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	522.208.708
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		153.334.600.000	153.334.600.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	12	153.334.600.000	153.334.600.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		17.114.681.402	15.901.237.420
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	16.892.681.402	15.817.237.420
2. Tài sản dài hạn khác	268		222.000.000	84.000.000
IV. Lợi thế thương mại	270	14	461.700.000	492.480.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		725.127.279.427	686.966.335.228

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		425.061.180.706	375.155.328.172
I. Nợ ngắn hạn	310		408.961.186.848	357.566.584.314
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	99.791.927.583	43.738.528.612
2. Phải trả người bán	312		122.560.794.953	101.999.864.365
3. Người mua trả tiền trước	313		41.535.806.478	34.477.328.898
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16, 17	1.580.605.437	14.997.991.839
5. Phải trả người lao động	315		8.910.050.385	13.349.868.076
6. Chi phí phải trả	316	18	90.910.129.030	104.405.452.829
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	27.937.810.284	28.989.677.144
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	13.255.265.241	14.653.273.076
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.478.797.457	954.599.475
II. Nợ dài hạn	330		16.099.993.858	17.588.743.858
1. Phải trả dài hạn khác	333		349.993.858	338.743.858
2. Vay và nợ dài hạn	334	21	15.750.000.000	17.250.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		285.238.752.171	296.391.154.281
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	285.238.752.171	296.391.154.281
1. Vốn điều lệ	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.421.558.415	11.421.558.415
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.600.295.812	1.600.295.812
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.595.878.719	6.595.878.719
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.782.076.932	7.870.572.798
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		88.312.880	88.312.880
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		5.750.629.413	18.814.535.657
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	23	14.827.346.550	15.419.852.775
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+400+500)	600		725.127.279.427	686.966.335.228

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ
 - Đô la Mỹ ("USD")

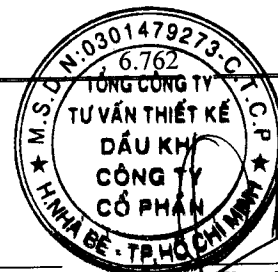
30/6/2013

31/12/2012

194.634

Lê Quang Thắng
 Người lập biểu

Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng



Đo Văn Thanh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 27 tháng 8 năm 2013


TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN


Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013

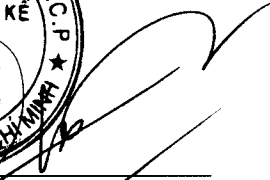
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

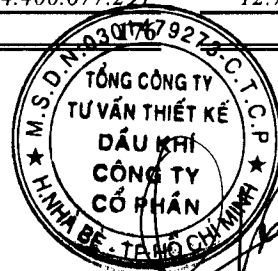
MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		225.232.812.883	185.061.377.435
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01)	10		225.232.812.883	185.061.377.435
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		188.872.904.877	149.934.461.023
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		36.359.908.006	35.126.916.412
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		679.893.112	2.280.063.976
6. Chi phí tài chính	22	26	4.665.871.697	736.073.267
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.627.673.526	684.545.891
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		28.079.678.495	23.534.017.652
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		4.294.250.926	13.136.889.469
9. Thu nhập khác	31		932.044.269	4.387.127.147
10. Chi phí khác	32		28.366.201	111.958.564
11. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	903.678.068	4.275.168.583
12. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		5.197.928.994	17.412.058.052
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	1.164.582.511	4.399.640.644
14. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		4.033.346.483	13.012.417.408
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích cổ đông thiểu số		23	(367.330.808)	238.928.222
- Cổ đông của Tổng Công ty			4.400.677.291	12.773.489.186
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	663	663


 Lê Quang Thắng
 Người lập biểu


 Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng


 Đỗ Văn Thanh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 27 tháng 8 năm 2013



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/6/2013**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

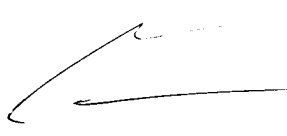
MẪU B 03-DN


Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.197.928.994	17.412.058.052
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.065.106.677	3.029.768.110
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(688.074.930)	(2.256.974.932)
Chi phí lãi vay	06	4.627.673.526	684.545.891
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	12.202.634.267	18.869.397.121
Thay đổi các khoản phải thu	09	(43.472.768.108)	2.648.149.393
Thay đổi hàng tồn kho	10	(15.380.824.114)	(3.018.280.837)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(8.116.121.877)	(121.692.468.301)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(9.322.224.648)	(920.426.920)
Tiền lãi vay đã trả	13	(4.618.402.365)	(684.545.891)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(766.270.070)	(11.064.382.781)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	196.880.436	5.406.797.666
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(69.277.096.479)	(110.455.760.550)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(1.124.639.172)	(5.086.006.671)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	8.181.818	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(249.400.000)	(20.412.143.733)
4. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức được chia	27	-	2.745.125.139
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.365.857.354)	(22.753.025.265)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần	31	-	81.250.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	105.040.321.319	33.529.826.064
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(50.486.922.348)	(25.348.822.809)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(10.993.681.075)	(35.210.223.636)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	43.559.717.896	54.220.779.619
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(27.083.235.937)	(78.988.006.196)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	62.578.002.649	141.584.573.932
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	35.494.766.712	62.596.567.736

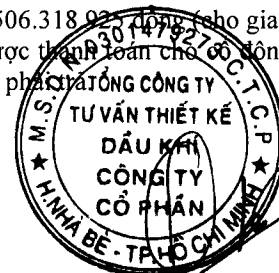
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong kỳ bao gồm khoản tiền chi cho tài sản mua chưa thanh toán từ năm 2012 là 704.954.000 đồng và không bao gồm 28.490.000 đồng là khoản tiền mua sắm tài sản cố định trong kỳ chưa thanh toán. Cổ tức đã trả cho cổ đông trong kỳ không bao gồm 1.506.318.027 đồng (cho giai đoạn 6 tháng đầu năm 2012: 8.480.754.364 đồng) là số tiền phải trả cổ tức chưa được thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu và phải trả.


Lê Quang Thắng
Người lập biểu


Hồ Khả Thịnh
Kế toán trưởng


Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 8 năm 2013



TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và ba công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301479273 ngày 11 tháng 8 năm 2009 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Trước đây, Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”). Theo Nghị quyết 1894/NQ-DKVN ngày 09 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng thành viên Petro Việt Nam, Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi tên thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2011.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đầu tư dầu khí (gọi tắt là “PCIC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104628335 ngày 07 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 04 tháng 11 năm 2010, Petro Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại PCIC cho Tổng Công ty. Mặc dù Tổng Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của PCIC, nhưng theo thỏa thuận, Tổng Công ty có quyền kiểm soát PCIC vì Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Theo đó, PCIC là công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PCIC tại 78B-80 đường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án dầu khí PVE (gọi tắt là “PVE - PMC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755120 ngày 05 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. PVE - PMC được thành lập thông qua quá trình cổ phần hóa Xí nghiệp Công trình Khí, một đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ trước đây, theo Nghị quyết số 35/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ. Trụ sở đăng ký của PVE - PMC tại Lầu 6, tòa nhà PV GAS, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát PVE (gọi tắt là “PVE - SC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755346 ngày 05 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. PVE - SC được thành lập thông qua quá trình cổ phần hóa Xí nghiệp Khảo sát, Kiểm định và Dịch vụ Công trình, một đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ trước đây, theo Nghị quyết số 36/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ. Trụ sở đăng ký của PVE - SC tại Lầu 6, tòa nhà PV GAS, số 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

- Hoạt động tư vấn quản lý; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ - điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp ≤ 22KV, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC)).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh bất động sản.

1250
HI NI
CÔNG
NHIE
ELO
IET I
TP.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu hợp nhất biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là mười (10) năm.

Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược, và đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản vay và nợ và các khoản nhận ký quỹ, ký cược.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài và giá trị phần mềm thiết kế, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài đối với lô đất có diện tích 92,4m² tại phường 9, thành phố Vũng Tàu, được xác định dựa trên giá mua. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành.

Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ năm (5) đến tám (8) năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một (1) năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm khoản chi sửa chữa, nâng cấp trụ sở công ty con PCIC tại 80A, Nguyễn Du, Hà Nội, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Chi phí thành lập được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (5) năm, tương ứng với thời gian thuê trụ sở.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một (1) năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Tổng Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	19.930.452.223	19.634.308.752
Tiền gửi ngân hàng	5.765.341.489	27.182.693.897
Các khoản tương đương tiền	9.798.973.000	15.761.000.000
	<u>35.494.766.712</u>	<u>62.578.002.649</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long với kỳ hạn một (1) tháng, lãi suất 7%/ năm.

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Chi tiết phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án như sau:

10
 VG
 TN
 AI
 NA
 P
 BI
 BI
 1250
 HI NI
 ĐONG
 NHIE
 ELO
 IET
 TP.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	65.502.006.517	84.267.552.223
Dự án Lô B Ô Môn mới	60.467.157.424	84.476.759.062
Hợp đồng 38/Technip-PVE/MPS/FEED-NCS2 cung cấp nhân lực	35.694.670.000	14.574.771.200
Cung cấp dịch vụ thiết kế công trình "Dự án Sư tử Vàng"	32.152.227.450	40.019.492.203
Hợp đồng 1769-2012/PTSCMC-KH/MHH Cầu bánh xích 250 tấn	24.197.246.053	-
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	21.323.374.635	21.323.374.635
Dự án Nhà Máy Pha Chế Xăng Dầu Đồng Phước	7.570.935.908	-
Dự án phát triển mỏ Thái Bình	6.774.067.479	16.340.749.914
Thiết kế FEED dự án mỏ Rạng Đông Enhanced Oil Recovery	4.951.645.054	-
Trường THCS Đông Sơn - Thái Bình	4.014.969.091	2.392.609.091
Dự án GDC Ô Môn ra Rạch Chanh	3.921.114.364	3.921.114.364
Trường THPT Nguyễn T. Bích Châu - Kỳ Anh - Hà Tĩnh	3.859.623.636	3.611.663.636
Trường tiểu học Mường Típ 2 Nghệ An	3.811.528.182	2.117.518.182
Dự án Nhà máy sản xuất bình bồn dầu khí	3.128.206.812	3.128.206.812
Dự án an sinh xã hội trường mầm non xã Mỹ Thành - Nam Định	2.968.277.273	-
Dự án sửa chữa giàn MSP10 HD 40B/2011/HDKT	2.459.974.619	-
Dự án an sinh xã hội trạm y tế xã Lai Vu - Hải Dương	2.372.445.454	-
Dự án an sinh xã hội trạm y tế Xã Chính Nghĩa - Hưng Yên	2.231.086.364	-
Khảo sát nhà máy điện gió Côn Đảo - Vũng Tàu	2.200.000.000	-
Sản xuất và sử dụng khí LNG/ CNG cho động cơ tại TPHCM	2.197.936.364	-
Dự án Sửa chữa giàn MSP 10 HD 59/2012/HDKT	1.594.874.357	-
Dự án Tuyến ống kết nối Đông Tây Nam Bộ	1.763.528.419	1.763.528.419
Dự án Xây dựng nhà máy chế tạo ống thép tại KCN Soài Rạp	1.701.909.711	1.701.909.711
Khảo sát cảng Bãi Gốc - Phú Yên	1.652.564.909	-
Dự án thiết kế chi tiết TBVN FBSO	1.520.558.575	-
Dự án thiết kế FEED cho nhà máy xử lý khí Cà Mau	1.490.360.407	1.490.360.407
Trường mầm non Quảng Phong - Quảng Trạch - Quảng Bình	1.449.827.272	-
Hợp đồng tồn đọng của VSP HD 0881/11/T-N3/VSP8	1.106.943.286	2.513.787.468
Dự án Thiết kế Non-Technical NM Polyester Đình Vũ	488.303.909	-
Dự án LPG lạnh Bà Rịa - Vũng Tàu	833.616.955	833.616.955
Dự án Tư vấn Thiết kế Nhà máy Quảng Trạch 1	777.272.728	727.946.315
Dự án mỏ Hàm Rồng - Thái Bình, lô 102 & 106	686.560.725	1.627.510.725
Trường mầm non xã Vũ Bản - Hà Nam	-	3.432.881.819
Trường TH Hòa Bình - Vũ Thư -Thái Bình	-	3.123.505.000
Các dự án khác	20.274.371.183	26.453.442.545
	<u>327.139.185.115</u>	<u>319.842.300.686</u>

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV (PV Gas)	10.274.384.022	10.274.384.022
Citi plaza	2.659.600.882	3.059.600.882
Khác	4.116.380.858	4.376.018.669
	<u>17.050.365.762</u>	<u>17.710.003.573</u>

Khoản phải thu từ PV Gas thể hiện khoản lợi nhuận năm 2011 và 2012 còn phải thu được chia từ khoản đầu tư vào dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" mà PV Gas là nhà điều hành. Như trình bày tại Thuyết minh số 12, các bên đầu tư vốn chưa thống nhất lại phương pháp phân chia lợi nhuận của hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Do đó, Tổng Công ty chưa ghi nhận lãi được chia từ dự án này cho kỳ hoạt động 6 tháng đầu năm 2013.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***8. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.623.080	21.623.080
Công cụ, dụng cụ	136.621.544	137.043.260
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	<u>27.815.127.714</u>	<u>12.433.881.884</u>
	<u>27.973.372.338</u>	<u>12.592.548.224</u>

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng	25.800.560.994	19.040.762.434
Thế chấp, ký cược, ký quỹ	<u>73.000.000</u>	<u>407.880.436</u>
	<u>25.873.560.994</u>	<u>19.448.642.870</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, các khoản tạm ứng nhân viên thể hiện các khoản tạm ứng để thực hiện các dự án của Tổng Công ty chưa được hoàn ứng.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2013	5.134.479.997	16.912.302.302	9.929.360.714	9.498.071.147	41.474.214.160
Tăng trong kỳ	-	28.490.000	-	195.881.440	224.371.440
Chuyển từ XD/CB	-	-	746.012.440	-	746.012.440
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(421.416.000)	(421.416.000)
Kết chuyển chi phí trả dài hạn	-	(1.429.950.051)	(4.846.354.811)	-	(6.276.304.862)
Giảm khác	-	-	(67.200.000)	-	(67.200.000)
Tại ngày 30/6/2013	<u>5.134.479.997</u>	<u>15.510.842.251</u>	<u>5.761.818.343</u>	<u>9.272.536.587</u>	<u>35.679.677.178</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	3.640.402.962	14.257.408.205	4.624.283.669	6.885.700.198	29.407.795.034
Khấu hao trong kỳ	121.069.955	505.443.760	957.197.201	430.599.028	2.014.309.944
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(421.416.000)	(421.416.000)
Kết chuyển chi phí trả dài hạn	-	(1.285.217.045)	(2.555.499.611)	-	(3.840.716.656)
Tại ngày 30/6/2013	<u>3.761.472.917</u>	<u>13.477.634.920</u>	<u>3.025.981.259</u>	<u>6.894.883.226</u>	<u>27.159.972.322</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 30/6/2013	<u><u>1.373.007.080</u></u>	<u><u>2.033.207.331</u></u>	<u><u>2.735.837.084</u></u>	<u><u>2.377.653.361</u></u>	<u><u>8.519.704.856</u></u>
Tại ngày 31/12/2012	<u><u>1.494.077.035</u></u>	<u><u>2.654.894.097</u></u>	<u><u>5.305.077.045</u></u>	<u><u>2.612.370.949</u></u>	<u><u>12.066.419.126</u></u>

Tài sản cố định của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với nguyên giá là 12.210.386.186 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 12.548.164.840 đồng).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo Thông tư 45 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, tài sản không đủ tiêu chuẩn theo dõi như tài sản cố định với nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn với tổng giá trị kết chuyển theo giá trị còn lại là 2.435.588.206 đồng và được phân bổ trong vòng ba (3) năm từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2013	4.183.395.276	11.385.381.590	15.568.776.866
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	-	(100.642.060)	(100.642.060)
Tại ngày 30/6/2013	<u>4.183.395.276</u>	<u>11.284.739.530</u>	<u>15.468.134.806</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2013	-	4.526.728.575	4.526.728.575
Khấu hao trong kỳ	-	1.050.796.733	1.050.796.733
Kết chuyển chi phí trả trước dài hạn	-	(36.489.081)	(36.489.081)
Tại ngày 30/6/2013	-	<u>5.541.036.227</u>	<u>5.541.036.227</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2013	<u>4.183.395.276</u>	<u>5.743.703.303</u>	<u>9.927.098.579</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>4.183.395.276</u>	<u>6.858.653.015</u>	<u>11.042.048.291</u>

Tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm thiết kế đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 với nguyên giá là 1.459.946.460 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.459.946.460 đồng).

Theo Thông tư 45 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, tài sản không đủ tiêu chuẩn theo dõi như tài sản cố định với nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng được kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn với tổng giá trị kết chuyển theo giá trị còn lại là 64.152.979 đồng và được phân bổ trong vòng ba (3) năm từ ngày 10 tháng 6 năm 2013.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 giữa Tổng Công ty với các bên gồm PV Gas và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (gọi tắt là "Phú Long"), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" trên diện tích đất 7.441 m² tại địa điểm số 673, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của PV Gas, Tổng Công ty và Phú Long lần lượt là 70%, 20% và 10%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, tiến độ góp vốn Tổng Công ty đã thực hiện như sau:

	Số vốn cam kết góp theo hợp đồng VND	Số vốn thực góp 30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower	<u>165.400.000.000</u>	<u>153.334.600.000</u>	<u>153.334.600.000</u>

Tổng Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này và các phụ lục hợp đồng kèm theo để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Vietcombank Hồ Chí Minh") (xem Thuyết minh số 21).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tại ngày 14 tháng 6 năm 2013, đại diện của các bên đầu tư đã họp bàn về “Phương án kinh doanh cao ốc văn phòng Dragon Tower”. Theo đó, Tổng Công ty đề nghị chuyển đổi từ phương pháp phân chia lợi nhuận hiện hữu sang phương pháp kết hợp cả hình thức phân chia sản phẩm và phân chia doanh thu - chi phí. Đến ngày lập báo cáo này, các bên đầu tư vốn chưa thống nhất lại phương pháp phân chia lợi nhuận của khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	15.817.237.420	18.929.121.709
Tăng trong kỳ/năm	306.850.398	3.678.549.374
Kết chuyển từ tài sản cố định	2.499.741.185	-
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ/năm	<u>(1.731.147.601)</u>	<u>(6.790.433.663)</u>
Tại ngày 30 tháng 6 và tại ngày 31 tháng 12	<u>16.892.681.402</u>	<u>15.817.237.420</u>

Tại ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 45 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, các tài sản có giá trị ghi sổ tại ngày 10 tháng 6 năm 2013 dưới 30 triệu đồng sẽ được theo dõi như khoản chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong thời gian không quá ba (3) năm.

14. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Theo giấy đăng ký kinh doanh		Số vốn thực góp	
	<u>VND</u>	%	<u>VND</u>	%
PCIC	30.000.000.000	36	10.800.000.000	44,39
PVE - PMC	30.000.000.000	60	18.000.000.000	91,46
PVE - SC	<u>20.000.000.000</u>	<u>60</u>	<u>12.000.000.000</u>	<u>86,75</u>

Như đã nêu tại Thuyết minh số 1, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại PCIC với giá mua là 11.415.600.000 đồng. Nghiệp vụ này tạo ra khoản lợi thể thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 615.600.000 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thể thương mại trong kỳ/năm như sau:

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01 tháng 01	492.480.000	554.040.000
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ/năm	<u>(30.780.000)</u>	<u>(61.560.000)</u>
Tại ngày 30 tháng 6 và tại ngày 31 tháng 12	<u>461.700.000</u>	<u>492.480.000</u>

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn	96.791.927.583	40.738.528.612
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	<u>3.000.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>
	<u>99.791.927.583</u>	<u>43.738.528.612</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Khoản vay ngắn hạn của Công ty mẹ gồm:

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20/2013/94203 ngày 03 tháng 4 năm 2013. Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi với mức dư nợ tối đa là 40 tỷ đồng và thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất và kỳ hạn trả lãi được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Tổng dư nợ tiền vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 16.232.519.515 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 21.125.684.514 đồng).

- Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 150 tỷ đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0098/KH/13NH ngày 03 tháng 5 năm 2013 với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2014. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Tổng dư nợ tiền vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 69.793.618.151 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 13.316.391.107 đồng).

Vay ngắn hạn của các công ty con từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm:

Các khoản vay ngắn hạn của công ty con - PVE SC:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0215/KH/12NH ngày 25 tháng 7 năm 2012 có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 20 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cấp tín dụng được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số 746/PVE-TCKT ngày 23 tháng 4 năm 2012 với trị giá là 20 tỷ đồng của Công ty mẹ. Tổng số tiền vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 939.682.117 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.293.435.209 đồng).

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0100/KH/13NH ngày 03 tháng 5 năm 2013 có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 20 tỷ đồng. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng này được đảm bảo bằng Chứng thư bảo lãnh số 582/PVE-TCKT ngày 08 tháng 4 năm 2013 với trị giá là 20 tỷ đồng của Công ty mẹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã rút vốn với số tiền là 1.460.993.270 đồng.

Các khoản vay ngắn hạn của công ty con - PVE PMC:

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01-CV-0158/KH/11/NH ngày 22 tháng 7 năm 2011 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01/HĐSĐBS ngày 20 tháng 4 năm 2012 có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 30 tỷ đồng với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2013. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay được bảo đảm bằng Chứng thư bảo lãnh số 70/PVE-TCKT ngày 19 tháng 3 năm 2012 với trị giá là 30 tỷ đồng của Công ty mẹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, số dư khoản vay của hợp đồng này là 1.815.072.976 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.003.017.782 đồng).

- Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0099/KH/13NH ngày 03 tháng 5 năm 2013 có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 50 tỷ đồng với thời hạn rút vốn kể từ ngày hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2014. Thời hạn vay theo từng Giấy nhận nợ cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được thỏa thuận và xác định trong từng Giấy nhận nợ cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay được bảo đảm bằng Chứng thư bảo lãnh số 589/PVD-BL ngày 08 tháng 4 năm 2013 với trị giá là 50 tỷ đồng của Công ty mẹ. Tổng dư nợ tiền vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 6.550.041.554 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	6.868.727	1.394.781.270
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.609.526	622.214.989
Tiền thuê đất	1.041.480.540	1.236.689.300
Thuế thu nhập cá nhân	490.667.444	11.743.327.080
Thuế khác	979.200	979.200
	<u>1.580.605.437</u>	<u>14.997.991.839</u>

17. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2012	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
1 - Thuế GTGT phải nộp	1.394.781.270	17.761.186.085	19.149.098.628	6.868.727
a - Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.394.781.270	11.117.150.833	12.505.063.376	6.868.727
b - Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.306.490.921	3.306.490.921	-
c - Thuế GTGT nộp hộ nhà thầu	-	3.337.544.331	3.337.544.331	-
2 - Thuế xuất nhập khẩu	-	170.044.746	170.044.746	-
3 - Thuế TNDN	(3.473.001.384)	4.496.223.473	4.097.911.031	(3.074.688.942)
a - Thuế TNDN SXKD	(3.473.001.384)	1.164.582.512	766.270.070	(3.074.688.942)
b - Thuế TNDN nộp hộ nhà thầu	-	3.331.640.961	3.331.640.961	-
4 - Tiền thuê đất	1.236.689.300	-	195.208.760	1.041.480.540
5 - Thuế thu nhập cá nhân	11.743.327.080	6.757.725.947	18.010.385.583	490.667.444
6 - Thuế môn bài	-	10.000.000	10.000.000	-
7 - Thuế khác	979.200	-	-	979.200
Tổng cộng	<u>10.902.775.466</u>	<u>29.195.180.251</u>	<u>41.632.648.748</u>	<u>(1.534.693.031)</u>

*Trong đó:**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**(xem Thuyết minh số 16)**14.997.991.839**1.580.605.437**Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**(4.095.216.373)**(3.115.298.468)*

Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 bao gồm khoản thuế phải thu với số tiền 3.115.298.468 đồng được trình bày trên khoản “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước” trên Bảng cân đối kế toán (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 4.095.216.373 đồng) và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Nhà nước từ các Công ty con với số tiền 40.609.526 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 622.214.989 đồng).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	32.632.657.930	32.143.080.297
Dự án cung cấp dịch vụ thiết kế công trình "Dự án Sư tử Vàng"	13.066.861.589	20.009.746.102
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	12.240.623.852	15.243.216.781
Dự án mỏ Thái Bình	7.807.958.984	13.147.341.752
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	3.386.672.744	3.386.672.744
Dự án an sinh xã hội Trường tiểu học Mường Típ 2	2.194.221.479	-
Dự án an sinh xã hội trường THCS Đông Sơn - Thái Bình	1.375.556.859	-
Dự án an sinh xã hội trạm y tế Xã Chính Nghĩa - Hưng Yên	1.300.403.116	-
Dự án an sinh xã hội trường mầm non xã Mỹ Thành	1.224.000.000	-
Hợp đồng 984/LILAMA	1.185.963.105	-
Dự án GDC Ô Môn ra Rạch Chanh	885.814.386	-
Các dự án khác và chi phí khác	13.609.394.986	20.475.395.153
	<u>90.910.129.030</u>	<u>104.405.452.829</u>

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC, PHẢI NỘP KHÁC

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Cổ tức phải trả cổ đông	9.987.073.289	8.480.754.364
Khoản phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	4.874.216.650	4.874.216.650
Nguồn kinh phí sự nghiệp	2.513.000.000	2.513.000.000
Khác	10.563.520.345	13.121.706.130
	<u>27.937.810.284</u>	<u>28.989.677.144</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành công trình, với tỉ lệ từ 3% đến 5% giá trị hợp đồng xây lắp, trong thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành cho khách hàng.

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	14.653.273.076	10.833.602.457
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ/năm	46.068.107	13.608.540.596
Hoàn nhập dự phòng	(834.628.900)	(9.788.869.977)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(609.447.042)	-
Tại ngày 30 tháng 6 và tại ngày 31 tháng 12	<u>13.255.265.241</u>	<u>14.653.273.076</u>

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 20 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty ký hợp đồng tín dụng dài hạn với Vietcombank Hồ Chí Minh với hạn mức 90 tỷ đồng và thời hạn vay là chín mươi sáu (96) tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là để thanh toán một phần vốn góp để đầu tư dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn để kinh doanh bất động sản bằng Đồng Việt Nam do Vietcombank Hồ Chí Minh công bố vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (ba tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên) và được trả hàng quý. Dư nợ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 18.750.000.000 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 20.250.000.000 đồng).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, giữa Công ty với các bên PV Gas và Phú Long, để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower", để thế chấp cho khoản vay này. Tài sản thế chấp được định giá là 151 tỷ đồng.

Toàn bộ khoản nợ vay được trả trong 29 kỳ trả nợ gốc theo lịch biểu như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.000.000.000	3.000.000.000
Trong năm thứ hai	3.000.000.000	3.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	9.000.000.000	9.000.000.000
Sau năm năm	<u>3.750.000.000</u>	<u>5.250.000.000</u>
	18.750.000.000	20.250.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ ngắn hạn)	<u>(3.000.000.000)</u>	<u>(3.000.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>15.750.000.000</u>	<u>17.250.000.000</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phần được phép phát hành	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	25.000.000	25.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành tại cuối kỳ/năm	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp	
	30/6/2013	31/12/2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	72.500.000.000	72.500.000.000
Technip Geoproduction Sdh Bhd	25.000.000.000	25.000.000.000
Ông Đỗ Đức Hiếu	21.496.690.000	12.785.940.000
Vietnam Equity Holding	14.826.675.000	14.826.675.000
Vietnam Holding Limited	-	19.259.400.000
Các cổ đông khác	<u>116.176.635.000</u>	<u>105.627.985.000</u>
	<u>250.000.000.000</u>	<u>250.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ dự phòng tài chính		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2012	180.000.000.000	321.888.415	1.600.295.812	4.224.799	5.902.424.923	4.892.901.528	-	28.958.483.081	221.680.218.558									
Tăng vốn trong năm	70.020.000.000	11.250.000.000	-	-	-	-	-	-	81.270.000.000									
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	11.157.223.134	11.157.223.134									
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	767.895.322	3.109.194.196	96.555.415	(8.675.190.510)	(4.701.545.577)									
Công bố cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(16.200.000.000)	(16.200.000.000)									
Loại trừ lợi ích cổ đông thiểu số	(20.000.000)	-	-	-	(74.441.526)	(131.522.926)	(8.242.535)	3.574.019.952	3.339.812.965									
Chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	-	-	(4.224.799)	-	-	-	-	(4.224.799)									
Giảm khác	-	(150.330.000)	-	-	-	-	-	-	(150.330.000)									
Tại ngày 31/12/2012	250.000.000.000	11.421.558.415	1.600.295.812	-	6.595.878.719	7.870.572.798	88.312.880	18.814.535.657	296.391.154.281									
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	4.033.346.483	4.033.346.483									
Trích quỹ trong kỳ	-	-	-	-	1.000.000.000	919.014.173	-	(4.984.958.991)	(3.065.944.818)									
Công bố cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)									
Loại trừ lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(7.510.039)	-	387.706.264	380.196.225									
Tại ngày 30/6/2013	250.000.000.000	11.421.558.415	1.600.295.812	-	7.595.878.719	8.782.076.932	88.312.880	5.750.629.413	285.238.752.171									

Theo Nghị quyết số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty mẹ đã công bố chia tổng số cổ tức là 12,5 tỷ đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 với tỉ lệ là 5%/mệnh giá mỗi cổ phần. Trong kỳ, Công ty mẹ đã chi cổ tức với số tiền là 10.993.681.075 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, phần cổ tức chưa được chi trả cho các cổ đông (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 8.480.754.364 đồng).

Theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty con PVE - SC đã công bố chia tổng số cổ tức là 968.310.000 đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 với tỉ lệ là 7%/mệnh giá mỗi cổ phần. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, toàn bộ số cổ tức này chưa được chi trả cho các cổ đông (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.200.000.000 đồng).

Theo Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty con PVE - PMC đã công bố chia tổng số cổ tức là 984.000.000 đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2012 với tỉ lệ là 5%/mệnh giá mỗi cổ phần. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2013, toàn bộ số cổ tức này chưa được chi trả cho các cổ đông (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.160.000.000 đồng).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty mẹ đã thực hiện trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 17/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2013 với số tiền lần lượt là 1.000.000.000 đồng, 865.050.542 đồng, 2.815.944.818 đồng và 250.000.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty con PVE - SC đã thực hiện trích các quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02 tháng 4 năm 2013 với số tiền lần lượt là 53.963.631 đồng và 56.998.984 đồng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty con PVE - PMC đã thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2012 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2013 với số tiền là 72.985.534 đồng.

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	PCIC VND	PVE-PMC VND	PVE-SC VND
Vốn điều lệ của Công ty con	24.330.000.000	19.680.000.000	13.833.000.000
Trong đó:			
Vốn phân bổ cho Công ty	10.800.000.000	18.000.000.000	12.000.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>13.530.000.000</u>	<u>1.680.000.000</u>	<u>1.833.000.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>55,61%</u>	<u>8,54%</u>	<u>13,25%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 30 tháng 6 năm 2013:

	PCIC VND	PVE-PMC VND	PVE-SC VND	Tổng VND
Tổng tài sản	60.416.910.057	51.992.180.022	24.960.998.496	137.370.088.575
Tổng nợ phải trả	<u>40.676.502.088</u>	<u>31.234.208.493</u>	<u>10.775.818.124</u>	<u>82.686.528.705</u>
Tài sản thuần	19.740.407.969	20.757.971.529	14.185.180.372	54.683.559.870
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	24.330.000.000	19.680.000.000	13.833.000.000	57.843.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	579.332.487	188.562.835	959.574.322
Quỹ dự phòng tài chính	315.133.886	386.221.658	148.245.049	849.600.593
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	96.555.415	-	96.555.415
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>(5.190.921.231)</u>	<u>15.861.969</u>	<u>15.372.488</u>	<u>(5.159.686.774)</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	11.175.657.444	1.772.021.959	1.879.667.146	14.827.346.550
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	13.530.000.000	1.680.000.000	1.833.000.000	17.043.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	49.455.212	24.986.314	266.120.526
Quỹ dự phòng tài chính	246.151.988	32.970.142	19.643.835	298.765.965
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	8.242.535	-	8.242.535
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>(2.886.689.858)</u>	<u>1.354.071</u>	<u>2.036.997</u>	<u>(2.883.298.790)</u>

11/01/2013 - 5 - 1/01/13

2500-0
 NHẬP
 CÔNG T
 NHÌEM H
 LOIT
 ỆT N
 TP. HỒ

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	PCIC VND	PVE-PMC VND	PVE-SC VND	Tổng VND
(Lỗ)/Lợi nhuận trong kỳ	(666.641.777)	15.861.969	15.372.488	(635.407.320)
(Lỗ)/Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>(370.721.876)</u>	<u>1.354.071</u>	<u>2.036.997</u>	<u>(367.330.808)</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	PCIC VND	PVE - PMC VND	PVE - SC VND	Tổng VND
Tổng tài sản	59.525.408.022	55.826.115.332	29.544.974.080	144.896.497.434
Tổng nợ phải trả	<u>39.118.358.276</u>	<u>34.027.020.238</u>	<u>14.349.857.212</u>	<u>87.495.235.726</u>
Tài sản thuần	20.407.049.746	21.799.095.094	15.195.116.868	57.401.261.708
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	24.330.000.000	19.680.000.000	13.833.000.000	57.843.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	579.332.487	188.562.835	959.574.322
Quỹ dự phòng tài chính	315.133.886	386.221.658	94.281.418	795.636.962
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	96.555.415	-	96.555.415
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>(4.524.279.454)</u>	<u>1.056.985.534</u>	<u>1.079.272.615</u>	<u>(2.388.021.305)</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số:	11.546.157.370	1.860.202.364	2.013.493.041	15.419.852.775
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	13.530.000.000	1.680.000.000	1.833.000.000	17.043.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	49.455.212	24.986.314	266.120.526
Quỹ dự phòng tài chính	246.151.988	32.610.781	12.493.157	291.255.926
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	8.242.535	-	8.242.535
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
(Lỗ)/Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>(2.516.189.932)</u>	<u>89.893.836</u>	<u>143.013.570</u>	<u>(2.283.282.526)</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 như sau:

	PCIC VND	PVE - PMC VND	PVE - SC VND	Tổng VND
Lợi nhuận trong kỳ	258.435.027	361.799.177	487.988.097	1.108.222.301
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>143.716.643</u>	<u>30.548.658</u>	<u>64.662.921</u>	<u>238.928.222</u>

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo tài chính hợp nhất này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động chính của Tổng Công ty là tư vấn khảo sát và tư vấn thiết kế trong lĩnh vực dầu khí và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con không có sự khác biệt về rủi ro và lợi ích kinh tế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.403.756.290	56.557.351.372
Chi phí nhân công	73.242.385.871	117.135.969.264
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.065.106.677	3.029.768.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	63.430.796.439	54.300.341.620
Chi phí khác	76.641.732.293	41.946.322.041
	244.783.777.570	272.969.752.407

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền vay	4.627.673.526	684.545.891
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.654.105	46.605.582
Khác	544.066	4.921.794
	4.665.871.697	736.073.267

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	828.155.718	2.820.805.378
Xóa sổ các khoản nợ phải trả kéo dài trên ba (3) năm	-	1.367.792.837
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	8.181.818	143.676.364
Khác	95.706.733	54.852.568
Thu nhập khác	932.044.269	4.387.127.147
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	20.006.063
Khác	28.366.201	91.952.501
Chi phí khác	28.366.201	111.958.564
Lợi nhuận khác	903.678.068	4.275.168.583

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	5.197.928.994	17.412.058.052
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(295.919.897)	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	543.896.377	186.504.525
Cộng các khoản không được bù trừ giữa các công ty	666.641.777	-
Thu nhập chịu thuế	6.112.547.251	17.598.562.577
Lỗ kết chuyển	(1.454.217.206)	-
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.164.582.511	4.399.640.644

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty sử dụng các khoản lỗ tính thuế là 1.454.217.206 đồng của năm 2012 để khấu trừ vào lợi nhuận trong kỳ khi tính thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có các khoản lỗ tính thuế của Công ty con - PCIC là 5.509.895.439 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong kỳ trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	4.400.677.291	12.773.489.186
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.400.677.291	12.773.489.186
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	25.000.000	19.276.243
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	176	663

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 21 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản vay	115.541.927.583	60.988.528.612
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	35.494.766.712	62.578.002.649
Nợ thuần	80.047.160.871	(1.589.474.037)
Vốn chủ sở hữu	285.238.752.171	296.391.154.281
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	28,06%	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.494.766.712	62.578.002.649
Đầu tư ngắn hạn	546.486.308	297.086.308
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ và phải thu khác	411.083.920.501	377.670.428.555
Các khoản ký quỹ, ký cược	295.000.000	491.880.436
Đầu tư dài hạn khác	153.334.600.000	153.334.600.000
	600.754.773.521	594.371.997.948
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	155.900.586.246	139.114.192.416
Chi phí phải trả	90.910.129.030	104.405.452.829
Các khoản vay và nợ	115.541.927.583	60.988.528.612
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	349.993.858	338.743.858
	362.702.636.717	304.846.917.715

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và đầu tư.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty chủ yếu thực hiện các giao dịch bằng Đồng Việt Nam nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của ngoại tệ là không trọng yếu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm/tăng 2.310.838.552 đồng (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.219.770.572 đồng).

12/2013
 TỶ
 K
 13/1

12500
 NH
 ÔNG
 NHIỆM
 LỜI
 ỆT N
 TP. H

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro về đầu tư

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư dài hạn khác được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng cộng VND
30/6/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.494.766.712	-	-	35.494.766.712
Đầu tư ngắn hạn	546.486.308	-	-	546.486.308
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ và phải thu khác	411.083.920.501	-	-	411.083.920.501
Các khoản ký quỹ, ký cược	73.000.000	222.000.000	-	295.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	-	153.334.600.000	153.334.600.000
Tổng cộng	447.198.173.521	222.000.000	153.334.600.000	600.754.773.521
Phải trả người bán và phải trả khác	155.900.586.246	-	-	155.900.586.246
Chi phí phải trả	90.910.129.030	-	-	90.910.129.030
Các khoản vay và nợ	99.791.927.583	12.000.000.000	3.750.000.000	115.541.927.583
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	349.993.858	-	349.993.858
Tổng cộng	346.602.642.859	12.349.993.858	3.750.000.000	362.702.636.717
Chênh lệch thanh khoản thuần	100.595.530.662	(12.127.993.858)	149.584.600.000	238.052.136.804

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNTầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***31/12/2012**

Tiền và các khoản tương đương tiền	62.578.002.649	-	-	62.578.002.649
Đầu tư ngắn hạn	297.086.308	-	-	297.086.308
Phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ và phải thu khác	377.670.428.555	-	-	377.670.428.555
Các khoản ký quỹ, ký cược	407.880.436	84.000.000	-	491.880.436
Đầu tư dài hạn khác	-	-	153.334.600.000	153.334.600.000
Tổng cộng	440.953.397.948	84.000.000	153.334.600.000	594.371.997.948
Phải trả người bán và phải trả khác	139.114.192.416	-	-	139.114.192.416
Chi phí phải trả	104.405.452.829	-	-	104.405.452.829
Các khoản vay và nợ	43.738.528.612	12.000.000.000	5.250.000.000	60.988.528.612
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	338.743.858	-	338.743.858
Tổng cộng	287.258.173.857	12.338.743.858	5.250.000.000	304.846.917.715
Chênh lệch thanh khoản thuần	153.695.224.091	(12.254.743.858)	148.084.600.000	289.525.080.233

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Doanh thu		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	105.021.870.000	184.901.471.071
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	21.119.898.800	-
Giá vốn		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	22.037.349.711	145.422.642.495

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lương	2.231.670.374	1.808.037.315
Tiền thưởng	201.274.917	270.015.000
	2.432.945.291	2.078.052.315

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 10, tòa nhà PV Gas, 673 Nguyễn Hữu Thọ, Xã Phước Kiển, Huyện Nhà Bè **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	30/6/2013 <u>VND</u>	31/12/2012 <u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	56.046.202.692	21.007.491.196
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	<u>162.203.289</u>	<u>106.242.400</u>
Phải thu khác		
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	294.150.772	-
PV Gas	<u>10.274.384.022</u>	<u>10.274.384.022</u>
Các khoản phải trả		
Phải trả thương mại các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	48.290.321.144	47.353.054.562
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	2.037.536.988	2.037.536.988
Technip Geoproduction (M) SDN BHD	<u>391.389.307</u>	<u>-</u>
Người mua trả tiền trước		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	<u>28.471.027.058</u>	<u>40.670.969.087</u>
Phải trả khác		
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	4.874.216.650	4.874.216.650
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	<u>2.252.000</u>	<u>-</u>
Các khoản tương đương tiền - Ủy thác quản lý vốn		
Tổng công ty cổ phần tài chính Dầu khí Việt Nam - PVFC	<u>-</u>	<u>2.397.086.308</u>

Lê Quang Thắng
 Người lập biểu

Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng



Số 14/2013/ĐL
Tổng Giám đốc
 Ngày 27 tháng 8 năm 2013